

BỘ GIAO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 268 TB.MDC-DTDH
Là văn kiện khai công tác đảm bảo chất lượng

Hà Nội, ngày 8 tháng 5 năm 2014

Kính gửi: - Các đơn vị trong toàn trường
- Bộ môn Ngoại ngữ và Bộ môn Tin học cơ bản
- Sinh viên đại học, cao đẳng chính quy tại Hà Nội

Để triển khai tốt việc thi điểm hoạt động đảm bảo chất lượng theo tinh thần của Hội nghị công tác tháng 5/2014, Nhà trường yêu cầu các đơn vị thực hiện tốt công tác tổ chức thi kết thúc học kỳ 2 năm học 2013-2014 đối với môn Tin học đại cương và Tiếng Anh NH2 trên cơ sở Quy chế đào tạo của Nhà trường và Quy chế tuyển sinh, cụ thể như sau:

1. Tổ chức thi

Bộ môn lập danh sách sinh viên bị cấm thi theo Quy chế đào tạo, kết hợp với danh sách sinh viên bị cấm thi vì không hoàn thành học phí, phòng ĐTDH lập danh sách phòng thi

Bộ môn Ngoại ngữ và Bộ môn Tin học cơ bản giao bộ đề thi và đáp án cho phòng ĐTDH ít nhất là 1 tuần trước ngày thi. Phòng ĐTDH có trách nhiệm bảo mật; tổ chức sao in và có phương án dự phòng đảm bảo cung cấp đủ đề thi cho sinh viên.

Phòng ĐTDH phối hợp với các bộ môn lập danh sách cán bộ coi thi và đề nghị BGH xét duyệt. Cán bộ coi thi thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Nhà trường.

Sinh viên dự thi theo kế hoạch và quy chế của Nhà trường.

2. Chăm thi

Phòng ĐTDH tổ chức công tác chăm thi theo quy định và giao lại bài thi có ký nhận cho bộ môn chuyên môn trong vòng 02 ngày kể từ khi kết thúc môn thi. Bộ môn chuyên môn giao điểm bài thi (điểm A) cho phòng ĐTDH trong vòng 01 tuần kể từ ngày nhận bài thi.

Bộ môn chuyên môn nộp điểm thành phần B, C (cả file và bản in có ký nhận) cho phòng ĐTDH ít nhất là 2 ngày trước ngày thi. Sau khi nhận được điểm A (cả file và bản in có ký nhận), phòng ĐTDH công bố điểm đánh giá học phần cho sinh viên.

3. Phúc khảo bài thi

Sinh viên có nhu cầu phúc khảo bài thi phải làm đơn xin phúc khảo theo quy chế.

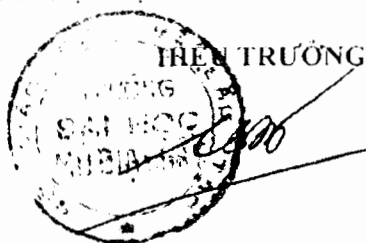
4. Thanh tra thi

Nhà trường tổ chức thanh tra thi theo quy định.

Đề nghị Ban chủ nhiệm các khoa thông báo, chỉ đạo ban chủ nhiệm các bộ môn, cán bộ và sinh viên thuộc đơn vị mình biết để thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGH (để chỉ đạo);
- Lưu: P.HCTH; P.ĐTDH.



POSTS Lê Hải An

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 584 /MĐC-ĐTĐH
Vv: Thi lần 2, kỳ II năm học 2014-2015

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2015

Kính gửi:

- Ban chủ nhiệm các khoa;
- Ban chủ nhiệm các bộ môn;
- Sinh viên khu vực Hà Nội.

Để triển khai tốt kế hoạch thi lần 2 các học phần của học kỳ II năm học 2014 – 2015, Nhà trường thông báo:

1. Đối với các học phần thuộc khoa Đại học đại cương, Khoa lý luận chính trị, bộ môn Tin học cơ bản và các học phần tổ chức khảo thí trong học kỳ

Tổ chức thi lần 2 theo lịch thi thống nhất từ ngày 23/6/2015 đến ngày 30/6/2015. Lịch thi và địa điểm thi cụ thể, Phòng Đào tạo đại học sẽ thông báo sau.

Đại diện các lớp sinh viên, các nhóm học phần chủ động lấy file danh sách sinh viên điểm F, D và D+ tại <http://daotao.humg.edu.vn>

- Đánh dấu "x" vào cột "đăng ký" đối với những sinh viên có nhu cầu thi lại hoặc thi cải thiện;

- Gửi file vào địa chỉ: dangkythilai@gmail.com

- Sau khi gửi file, đại diện lớp sinh viên, các nhóm học phần đến bộ phận một cửa phòng Đào tạo Đại học (phòng 103) để làm tiếp các thủ tục đăng ký.

- Thời hạn từ ngày 18 đến ngày 22/6/2015, phòng Đào tạo Đại học tiếp sinh viên cả thứ 7 và chủ nhật.

2. Đối với các học phần khác thuộc các khoa chuyên ngành

Sinh viên tin chỉ đăng ký thi lần 2 hoặc thi cải thiện các học phần thuộc học kỳ II năm học 2014-2015 tại khoa quản lý học phần;

Sinh viên niên chế học ghép xin giấy phép thi lần 2 tại phòng Đào tạo Đại học (phòng C2.02)

Thời gian từ ngày 18 đến ngày 22/6/2015.

3. Thời hạn nộp điểm

Trước ngày 15/7/2015 đối với các học phần thuộc khoa Đại học Đại cương, Khoa Lý luận chính trị và bộ môn Tin học cơ bản

Trước ngày 01/7/2015 đối với các học phần khác thuộc các khoa chuyên ngành.

Những giảng viên có sinh viên thi lần 2, nếu không có điều kiện tổ chức thi phải thông báo trước cho Bộ môn. Bộ môn có trách nhiệm cử cán bộ thay thế để đảm bảo việc tổ chức thi và nộp điểm đúng thời gian quy định.

Đề nghị Ban chủ nhiệm các khoa, bộ môn và quản sinh thông báo cho sinh viên thuộc đơn vị mình biết để thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên.
- BGH để báo cáo
- Dân công cộng
- Thông báo trên Website của phòng ĐTDH
- Lưu ĐTDH

TL. HIỆU TRƯỞNG

K. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 55/Đ - MDC-DTĐH
Về công tác khảo thí HK1 NH 2015-2016

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2015

Kính gửi:

- Ban chủ nhiệm các khoa;
- Ban chủ nhiệm các bộ môn;
- Giảng viên và sinh viên tại Hà Nội.

Trong đợt thi kết thúc học phần đầu tiên của học kỳ 1 năm học 2015-2016, Nhà trường tổ chức khảo thí 20 học phần.

Lịch thi từ ngày **19/10/2015** đến ngày **31/10/2015**.

Đề nghị các Bộ môn gửi đề thi, đáp án (mẫu kèm theo) cho Phòng Đào tạo Đại học trước ngày **16/10/2015**.

Các giảng viên phụ trách các học phần tương ứng theo bảng dưới nhập điểm b, c trực tuyến từ ngày **12/10/2015** đến hết ngày **20/10/2015** tại địa chỉ **daotao.humg.edu.vn** (các học phần kết thúc trước ngày **18/10/2015**).

Thi kết thúc học phần được tổ chức theo Quy chế đào tạo. Việc bố trí cán bộ coi thi, diễn ra bình thường đối với mỗi học phần theo lịch thi của Nhà trường. Cán bộ coi thi nhận đề, gọi sinh viên vào phòng thi, coi thi, thu bài và nộp bài thi cho Phòng Đào tạo Đại học theo quy định.

Công tác chấm thi được tổ chức theo hình thức tập trung tại địa điểm do Nhà trường bố trí.

TT	Khoa	Mã HP	Tên học phần	Số sinh viên
1	Đại cương	4010401	Hình học họa hình	621
2		4010402	Vẽ kỹ thuật	121
3	Lý luận chính trị	4020103	Pháp luật đại cương	541
4		4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	62
5	Mỏ	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	251
6		4030504	Sức bền vật liệu B	130
7	Địa chất	4040207	Địa chất mỏ	112
8	Trắc địa	4050526	Trắc địa đại cương	180
9	Dầu khí	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	60
10	Kinh tế QTKD	4070216	Quản trị học	91
11	Công nghệ thông tin	4080709	Kiến trúc máy tính	179
12		4090107	An toàn điện	60
13	Cơ - Điện	4090126	Cơ sở cung cấp điện	220

			trình	
15		4090213	Điện tử công suất	45
16		4090415	Kỹ thuật nhiệt B	164
17		4090418	Kỹ thuật thủy khí C	124
18	Xây dựng	4100201	Vật liệu xây dựng	30
19		4100206	Kết cấu thép	69
20	Môi trường	4110209	Quản lý môi trường	70
Tổng số				3140

Đề nghị ban chủ nhiệm các khoa, ban chủ nhiệm các bộ môn phổ biến đến giảng viên và sinh viên thuộc đơn vị mình quản lý biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGH (để báo cáo);
- Dán băng tin;
- Website P.ĐTDH;
- Lưu: P.ĐTDH.

TL. HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PGS TS. Nguyễn Văn Tuấn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

MÀU

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

HỌC KỲ:; NĂM HỌC:

Môn:

Thời gian làm bài: 60 phút (HOẶC 75 phút)

Câu 1 (2,5 điểm):

Câu 2 (2,5 điểm):

Câu 3 (2,5 điểm):

Câu 4 (2,5 điểm):

----- HẾT -----

(đề thi có từ 3 - 4 câu; bố trí vào khổ giấy A4, ghi ---Hết--- ở cuối đề thi)

Đề thi đồng thời là bài thi cần có thêm trang Phách - như đã thiết kế trước đây

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MÔ - ĐỊA CHẤT

ĐÁP ÁN - THANG ĐIỂM

THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

HỌC KỲ: NĂM HỌC:

Môn:

MAU

CÂU	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Câu 1 (2,5 điểm)		
	•	0,25
	•	0,25
	•	0,25
	•	0,25
	•	0,25
	•	0,25
	•	0,25
	•	0,25
	•	0,25
	•	0,25
Câu 2 (2,5 điểm)		
	•	0,25
	•	0,25
	•	0,25
	•	0,25
	•	0,25
	•	0,25
	•	0,25
	•	0,25
	•	0,25
Câu 3 (2,5 điểm)		
Câu 4 (2,5 điểm)		
Tổng điểm đáp án		10

----- HẾT -----

(ghi ---HẾT--- ở dưới trang cuối của đáp án)

Thang điểm chỉ viết đến 0,25 hoặc 0,5 điểm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 85 / MĐC-ĐTĐH
V/v Khảo thí HK2 NH 2015-2016

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2016

Kính gửi:

- Ban chủ nhiệm các khoa;
- Ban chủ nhiệm các bộ môn;
- Giảng viên và sinh viên tại Hà Nội.

Trong kỳ thi kết thúc học phần học kỳ 2 năm học 2015-2016, Nhà trường tổ chức khảo thí 107 học phần (Bảng 1, 2) với lịch thi được bố trí tập trung (kèm theo).

Đề nghị các Bộ môn gửi đề thi, đáp án (mẫu kèm theo) cho Phòng Đào tạo Đại học trước ngày 18/3/2016 đối với học phần thi đợt 1 (21/3 – 2/4/2016) và trước ngày 2/5/2016 đối với học phần thi đợt 2 (23/5 – 4/6/2016).

Bộ môn kiểm tra kỹ lịch thi và có văn bản đề nghị điều chỉnh lịch thi trước ngày 16/3/2016 (nếu cần thiết). Phòng Đào tạo Đại học mở hệ thống Edusoft để giảng viên **nhập điểm b, c trực tuyến** trong các ngày 16 – 25/3/2016 và các ngày 9 – 18/5/2016 tương ứng với các học phần thi trong 2 đợt trên.

Thi kết thúc học phần được tổ chức theo Quy chế đào tạo. Việc bố trí cán bộ coi thi, diễn ra bình thường đối với mỗi học phần theo lịch thi của Nhà trường. Cán bộ coi thi nhận đề, gọi sinh viên vào phòng thi, coi thi, thu bài và nộp bài thi cho Phòng Đào tạo Đại học theo quy định.

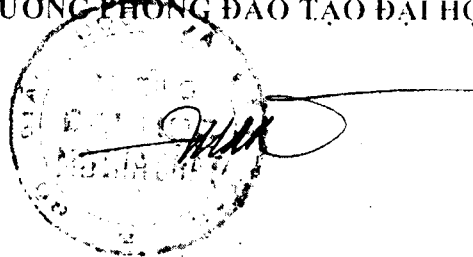
Công tác chấm thi được tổ chức theo hình thức tập trung tại địa điểm do Nhà trường bố trí. Các bộ môn có thể bố trí giảng viên chấm bài sau khi thi 01 ngày.

Đề nghị ban chủ nhiệm các khoa, ban chủ nhiệm các bộ môn phổ biến đến giảng viên và sinh viên thuộc đơn vị mình quản lý biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGH (để báo cáo);
- Dán bảng tin;
- Website P.ĐTĐH;
- iOFFICE;
- Lưu: P.ĐTĐH.

TL. HIỆU TRƯỞNG
K. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
TS Phạm Văn...

Bảng 1: Tổng hợp số liệu khảo thí Đợt 1.

TT	Khoa chủ quản / học phần	Số SV
1	Cơ điện	764
2	Cơ sở cung cấp điện	65
3	Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	67
4	Cơ sở truyền động điện	44
5	Điện tử công suất	59
6	Điều khiển tự động hệ thống truyền động thủy khí	61
7	Kỹ thuật nhiệt B	121
8	Kỹ thuật thủy khí C	124
9	Lưới điện I	43
10	Mạng truyền thông công nghiệp	54
11	Mô hình hoá và mô phỏng quá trình sản xuất	60
12	Thiết kế hệ thống điều khiển tự động	66
13	Công nghệ thông tin	62
14	Phát triển ứng dụng tin học trong quản lý - vận phòng	37
15	Viễn thám trong địa tin học	25
16	Đại cương	272
17	Vẽ kỹ thuật	272
18	Dầu khí	536
19	Công nghệ sinh học đại cương	53
20	Địa vật lý đại cương	179
21	Kỹ thuật dầu khí đại cương	121
22	Nguyên lý phá hủy	78
23	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	61
24	Tin học ứng dụng trong thiết bị dầu khí	44

TT	Khoa chủ quản / học phần	Số SV
25	Địa chất	160
26	Địa chất mỏ	160
27	Kinh tế & QTKD	199
28	Kinh tế công nghiệp	59
29	Quản trị học	140
30	Lý luận chính trị	1904
31	Pháp luật đại cương	100
32	Tư tưởng Hồ Chí Minh	801
33	Mỏ	372
34	Cơ sở tuyển khoáng	180
35	Sức bền vật liệu B	192
36	Môi trường	113
37	Quản lý chất thải rắn	113
38	Trắc địa	250
39	Trắc địa đại cương	250
40	Xây dựng	241
41	Kết cấu thép	78
42	Vật liệu xây dựng	166
	Tổng số	4875

Bảng 2: Tổng hợp số liệu khảo thí Đợt 2.

TT	Khoa chủ quản / học phần	Số SV
1	Cơ điện	2342
2	An toàn điện	60
3	Các phần tử tự động + TH	147
4	Cơ sở cung cấp điện	92
5	Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	71
6	Cơ sở thiết kế máy	174
7	Điện tử công suất	30
8	Điều khiển số	52
9	Điều khiển tự động hệ thống truyền động thủy khí	75
10	Kỹ thuật điện - điện tử	237
11	Kỹ thuật điện + TN	91
12	Kỹ thuật điện tử + TN	160
13	Kỹ thuật nhiệt B	127
14	Kỹ thuật thủy khí C	166
15	Lưới điện I	32
16	Mạng truyền thông công nghiệp	79
17	Máy thủy khí + DA	49
18	Máy thủy lực và máy nén khí	51

TT	Khoa chủ quản / học phần	Số SV
52	Dầu khí	1376
53	Công nghệ khai thác dầu khí	45
54	Công nghệ khoan dầu khí	60
55	Công nghệ sinh học đại cương	53
56	Công trình đường ống và bể chứa	40
57	Địa vật lý đại cương	170
58	Kỹ thuật bảo hộ lao động và bảo vệ môi trường	60
59	Kỹ thuật dầu khí đại cương	304
60	Kỹ thuật Khai thác khí thiên nhiên	60
61	Nguyên lý phá hủy	78
62	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	61
63	Thăm dò điện I	43
64	Thiết bị khai thác dầu khí I	54
65	Thiết bị khoan dầu khí 2	49
66	Thiết bị xử lý sản phẩm khai thác	45
67	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	60
68	Thu hồi dầu khí tăng cường	122
69	Tiếng Anh chuyên ngành thiết bị dầu khí	45

19	Mô hình hoá và mô phỏng quá trình sản xuất	38
20	Phương pháp lập trình CNC	20
21	Thiết kế hệ thống điều khiển tự động	67
22	Tin học công nghiệp + TH	147
23	Truyền động thủy khí	45
24	Vận hành hệ thống điện	119
25	Vật liệu kỹ thuật + TN	213
26	Công nghệ thông tin	1527
27	Lập trình mạng	88
28	Phát triển ứng dụng tin học trong quản lý - vận phòng	45
29	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ thông tin	184
30	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	1210
31	Đại cương	12524
32	Autocad	562
33	Cân bằng pha và hóa keo + TN	410
34	Cơ học lý thuyết 1	125
35	Đại số	118
36	Giải tích 1	90
37	Giải tích 2	2635
38	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	438
39	Hình học họa hình	22
40	Hóa học đại cương phần 1 + TN	2092
41	Hóa phân tích phần 1+ TN	240
42	Hoà vô cơ phần 1 + TN	54
43	Hoà vô cơ phần 2	55
44	Phương pháp tính	599
45	Tiếng Anh NEF2	408
46	Toán tối ưu	298
47	Vật lý đại cương A1 + TN	2779
48	Vật lý đại cương A2 + TN	61
49	Vẽ kỹ thuật	413
50	Xác suất thống kê	603
51	Xác suất thống kê	522

70	Vật lý via dầu khí + TH	30
71	Địa chất	537
72	Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất công trình	28
73	Địa chất công trình	26
74	Địa chất đại cương	199
75	Địa chất mỏ	67
76	Nguyên liệu khoáng và công nghệ sản xuất đá xây dựng	37
77	Kinh tế & QTKD	884
78	Kinh tế công nghiệp	102
79	Kinh tế lượng	99
80	Kinh tế vi mô	92
81	Nguyên lý kế toán	526
82	Quản trị học	62
83	Lý luận chính trị	6650
84	Cơ sở văn hoá Việt Nam	276
85	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	1658
86	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	117
87	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	276
88	Pháp luật đại cương	1244
89	Tâm lý học đại cương	908
90	Tư tưởng Hồ Chí Minh	23
91	Mô	1141
92	Cơ sở khai thác lộ thiên	320
93	Cơ sở tuyển khoáng	302
94	Kỹ thuật môi trường mỏ hầm lò	119
95	Sức bền vật liệu 2 + BTL2	278
96	Sức bền vật liệu B	122
97	Môi trường	852
98	Môi trường và con người	370
99	Môi trường và phát triển bền vững	214
100	Quá trình truyền nhiệt trong công nghệ môi trường	181
101	Quản lý chất thải rắn	60
102	Sinh thái học môi trường	57
103	Trắc địa	740
104	Cơ sở đo ảnh + BTL	27
105	Đo đạc địa chính 2	19
106	Phép chiếu bản đồ + ĐA	48
107	Trắc địa đại cương	288
108	Xây dựng lưới trắc địa	229
109	Xây dựng	567
110	Cơ học đá	326
111	Kết cấu bê tông cốt thép	96
112	Kết cấu thép	9
113	Vật liệu xây dựng	89
	Tổng số	29140

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MÔ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 252/MĐC-KT&ĐBCLGD
Về việc Khảo thi Học kỳ phụ Năm học 2015-2016

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2016

Kính gửi:

- Ban chủ nhiệm các khoa;
- Ban chủ nhiệm các bộ môn;
- Giảng viên và sinh viên tại Hà Nội.

Trong kỳ thi kết thúc học phần của Học kỳ phụ, Năm học 2015 - 2016, Nhà trường tổ chức khảo thi 51 học phần (Bảng 1) với lịch thi được bố trí tập trung (kèm theo).

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục chuẩn bị đề thi ngẫu nhiên trong số đề thi đang được lưu giữ từ trước đến nay. Trường hợp muốn tổ chức cho sinh viên thi bằng bộ đề thi khác, đề nghị bộ môn chủ quản học phần liên hệ, gửi bản in về Phòng 205 và file word (bộ đề thi - đáp án, theo mẫu) theo địa chỉ phanvantuan@humg.edu.vn trước 14h ngày 05/8/2016.

Bộ môn kiểm tra kỹ lịch thi và có văn bản đề nghị điều chỉnh lịch thi trước ngày 04/8/2016 (nếu thực sự cần thiết). Nhà trường mở hệ thống Edusoft để giảng viên **nhập điểm b, c trực tuyến** theo quy định trong Quy trình khảo thi.

Thi kết thúc học phần được tổ chức theo Quy trình khảo thi đã ban hành. Việc bố trí cán bộ coi thi diễn ra bình thường đối với mỗi học phần theo lịch thi chung của Nhà trường. Cán bộ coi thi nhận đề, gọi sinh viên vào phòng thi, coi thi, thu bài và nộp bài thi cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Công tác chấm thi được tổ chức theo hình thức tập trung tại địa điểm do Nhà trường bố trí. Các bộ môn có thể bố trí giảng viên chấm bài sau khi thi 01 ngày. Địa điểm chấm thi được lên kế hoạch chi tiết trước mỗi đợt chấm.

Đề nghị ban chủ nhiệm các khoa, ban chủ nhiệm các bộ môn phổ biến đến giảng viên và sinh viên thuộc đơn vị mình quản lý biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGH (để báo cáo);
- Đơn đăng tin;
- HUMG IOFFICE;
- Lưu: HC/TH: KT&ĐBCLGD.

TL. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHỤ TRÁCH
PHÒNG KHẢO THI & ĐBCLGD



(Signature)

Bảng I: Tổng hợp số liệu khảo thí Học kỳ phụ Năm học 2015-2016.

TT	Khoa chủ quản / học phần	Số SV	TT	Khoa chủ quản / học phần	Số SV
1	Đại số	190	27	Pháp luật đại cương	126
2	Giải tích 1	301	28	Cơ sở khai thác lộ thiên	120
3	Giải tích 2	145	29	Cơ sở tuyển khoáng	60
4	Xác suất thống kê (3TC)	23	30	Sức bền vật liệu 2 + BTL2	35
5	Xác suất thống kê (2TC)	219	31	Sức bền vật liệu B	59
6	Phương pháp tính	170	32	Địa chất đại cương	14
7	Toán tối ưu	123	33	Trắc địa đại cương	41
8	Vật lý đại cương A1 + TN	299	34	Địa vật lý đại cương	15
9	Vật lý đại cương A2 + TN	256	35	Địa chất thủy văn, thủy địa hóa các mỏ dầu khí	14
10	Hóa học đại cương phần 1 + TN	187	36	Kỹ thuật dầu khí đại cương	62
11	Hóa học đại cương phần 2	29	37	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	38
12	Hóa phân tích phần 1 + TN	62	38	Công nghệ khoan dầu khí	31
13	Cân bằng pha và hóa keo + TN	66	39	Kỹ thuật Khai thác khí thiên nhiên	61
14	Hình học họa hình	118	40	Thu hồi dầu khí tăng cường	60
15	Vẽ kỹ thuật	60	41	Kỹ thuật bảo hộ lao động và bảo vệ môi trường	34
16	Autocad + TH	257	42	Kinh tế vi mô	49
17	Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL	80	43	Kinh tế lượng	52
18	Cơ học lý thuyết 1	243	44	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	375
19	Tiếng Anh NEF1	220	45	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kinh tế)	62
20	Tiếng Anh NEF2	226	46	An toàn điện	53
21	Tâm lý học đại cương	120	47	Cơ sở cung cấp điện	79
22	Cơ sở văn hóa Việt Nam	147	48	Vận hành hệ thống điện	60
23	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac-Lênin 1	251	49	Kỹ thuật thủy khí C	64
24	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac-Lênin 2	125	50	Môi trường và phát triển bền vững	120
25	Tư tưởng Hồ Chí Minh	126	51	Môi trường và con người	147
26	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	123		Tổng số	5999

LỊCH THI CÁC HỌC PHẦN KHẢO THI HỌC KỲ PHỤ NĂM HỌC 2015-2016
(kèm theo công văn số 1000/MDC-KT&ĐBCLGD ngày 02/8/2016)

TT	Mã HP	Nhóm	Tổ	Số TC	Số SV	Ngày thi	Phòng	Tiết BD	Số tiết	Mã lớp	Tên HP	Mã GV	Họ và tên đệm	Tên GV	Bộ môn
1	4010106	01	001	2	153	8/9/2016	HNAD401	6	2	HOCHE1	Phương pháp tính	0101-10	Đào Xuân	Hùng	Toán
2	4010106	02	001	2	17	8/9/2016	HNAD202	6	2	HOCHE4	Phương pháp tính	0101-12	Nguyễn Thị	Hương	Toán
3	4010101	01	001	3	72	8/9/2016	HNAD201	8	2	HOCHE1	Đại số	0101-12	Nguyễn Thị	Hương	Toán
4	4010101	02	001	3	118	8/9/2016	HNAD101	8	2	HOCHE3	Đại số	0101-26	Nguyễn Thụy	Linh	Toán
5	4010103	01	001	3	63	8/10/2016	HNAD101	10	2	HOCHE2	Giải tích 2	0101-22	Nguyễn Thế	Lâm	Toán
6	4010103	02	001	3	47	8/10/2016	HNAD201	10	2	HOCHE3	Giải tích 2	0101-11	Nguyễn Trươ	Thanh	Toán
7	4010103	03	001	3	35	8/10/2016	HNAD202	10	2	HOCHE4	Giải tích 2	0101-17	Phạm Tuấn	Cường	Toán
8	4010105	01	001	2	155	8/11/2016	HNAD101	2	2	HOCHE2	Xác suất thống kê	0101-16	Hà Hữu Cao	Trình	Toán
9	4010105	02	001	2	64	8/11/2016	HNAD201	2	2	HOCHE4	Xác suất thống kê	0101-04	Nguyễn Văn	Ngọc	Toán
10	4010104	01	001	3	23	8/11/2016	HNAD202	2	2	HOCHE1	Xác suất thống kê	0101-09	Nguyễn Thị	Hàng	Toán
11	4010102	01	001	4	68	8/11/2016	HNAD301	6	2	HOCHE1	Giải tích 1	0101-21	Nguyễn Thị	Sinh	Toán
12	4010102	02	001	4	124	8/11/2016	HNAD301	6	2	HOCHE1	Giải tích 1	0101-24	Lê Bích	Thường	Toán
13	4010102	03	001	4	112	8/11/2016	HNAD201	6	2	HOCHE4	Giải tích 1	0101-16	Nguyễn Thị	Hàng	Toán
14	4010105	01	001	2	52	8/11/2016	HNAD202	2	2	HOCHE1	Giải tích 1	0101-16	Phạm Ngọc	Ái	Toán
15	4010105	02	001	2	50	8/11/2016	HNAD101	2	2	HOCHE2	Giải tích 1	0101-23	Nguyễn Thị	Thị	Toán
16	4010202	01	001	3	61	8/12/2016	HNAD301	6	2	HOCHE1	Vật lý đại cương A2 + TN	0102-05	Đỗ Thị Hồng	Thị	Vật lý
17	4010202	02	001	3	70	8/12/2016	HNAD301	6	2	HOCHE3	Vật lý đại cương A2 + TN	0102-15	Tổng Ba	Quân	Vật lý
18	4010202	03	001	3	105	8/12/2016	HNAD101	6	2	HOCHE4	Vật lý đại cương A2 + TN	0102-14	Trần Thị	Hà	Vật lý
19	4010201	01	001	3	63	8/12/2016	HNAD201	6	2	HOCHE1	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-11	Nguyễn Thị	Đ	Vật lý
20	4010201	02	001	3	63	8/12/2016	HNAD301	6	2	HOCHE2	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-18	Đinh Văn	Thiện	Vật lý
21	4010201	03	001	3	56	8/12/2016	HNAD401	6	2	HOCHE3	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-13	Lê Đức	Tuyến	Vật lý
22	4010201	04	001	3	114	8/12/2016	HNAD101	6	2	HOCHE4	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-01	Hồ Quỳnh	Ánh	Vật lý
23	4010305	01	001	3	62	8/13/2016	HNAD502	8	2	HOCHE2	Hóa phân tích phần 1 + TN	0103-21	Lê Thị	Vinh	Hóa
24	4010307	01	001	3	66	8/12/2016	HNAD101	2	2	HOCHE1	Cân bằng pha và hóa keo + TN	0103-05	Phạm Tiến	Đ	Hóa
25	4010301	01	001	3	62	8/13/2016	HNAD201	8	2	HOCHE1	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-10	Đỗ Thị	Hải	Hóa
26	4010301	02	001	3	64	8/13/2016	HNAD101	8	2	HOCHE3	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-25	Nguyễn Việt	Hùng	Hóa
27	4010301	03	001	3	61	8/13/2016	HNAD301	8	2	HOCHE4	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-12	Hà Minh	Hùng	Hóa
28	4010302	01	001	2	29	8/13/2016	HNAD203	8	2	HOCHE1	Hóa học đại cương phần 2	0103-18	Lê Thị Phươn	Thảo	Hóa
29	4010402	01	001	2	60	8/9/2016	HNAD201	2	2	HOCHE1	Vẽ kỹ thuật	0104-02	Thạc Thu	Hiền	Hình họa
30	4010406	01	001	3	63	8/10/2016	HNAD502	2	2	HOCHE2	Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL	0104-04	Lê Thị Thanh	Hàng	Hình họa
31	4010406	02	001	3	17	8/10/2016	HNAD204	2	2	HOCHE3	Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL	0104-02	Thạc Thu	Hiền	Hình họa
32	4010401	01	001	2	56	8/11/2016	HNAD403	6	2	HOCHE1	Hình học họa hình	0104-06	Hoàng Văn	Tại	Hình họa
33	4010401	02	001	2	32	8/11/2016	HNAD501	6	2	HOCHE2	Hình học họa hình	0104-06	Hoàng Văn	Tại	Hình họa
34	4010403	01	001	2	59	8/13/2016	HNAD201	2	2	HOCHE1	Autocad + TH	0104-04	Lê Thị Thanh	Hàng	Hình họa
35	4010403	02	001	2	52	8/13/2016	HNAD101	2	2	HOCHE1	Autocad + TH	0104-04	Lê Thị Thanh	Hàng	Hình họa
36	4010403	03	001	2	59	8/13/2016	HNAD301	2	2	HOCHE2	Autocad + TH	0104-04	Lê Thị Thanh	Hàng	Hình họa
37	4010403	04	001	2	59	8/13/2016	HNAD401	2	2	HOCHE2	Autocad + TH	0104-07	Phạm Thị Mai	Ánh	Hình họa
38	4010403	05	001	2	18	8/13/2016	HNAD202	2	2	HOCHE3	Autocad + TH	0104-07	Phạm Thị Mai	Ánh	Hình họa

Trang 1/3

TT	Mã HP	Nhóm	Tổ	Số TC	Số SV	Ngày thi	Phòng	Tiết BD	Số tiết	Mã lớp	Tên HP	Mã GV	Họ và t. đệm	Tên GV	Bộ môn
39	4010501	01	001	3	60	8/8/2016	HNAD201	6	2	HOCHE1	Cơ học lý thuyết 1	0105-09	Phạm Ngọc	Chung	Cơ lý thuyết
40	4010501	02	001	3	63	8/8/2016	HNAD101	6	2	HOCHE2	Cơ học lý thuyết 1	0105-10	Đinh Công	Đạt	Cơ lý thuyết
41	4010501	03	001	3	60	8/8/2016	HNAD301	6	2	HOCHE3	Cơ học lý thuyết 1	0105-01	Trần Đình	Sơn	Cơ lý thuyết
42	4010501	04	001	3	60	8/8/2016	HNAD401	6	2	HOCHE4	Cơ học lý thuyết 1	0105-10	Đinh Công	Đạt	Cơ lý thuyết
43	4010602	01	001	3	46	8/10/2016	HNAD101	8	2	HOCHE1	Tiếng Anh NEF2	0106-20	Trần Thị	Vân	Ngoại ngữ
44	4010602	02	001	3	41	8/10/2016	HNAD201	8	2	HOCHE2	Tiếng Anh NEF2	0106-20	Trần Thị	Vân	Ngoại ngữ
45	4010602	03	001	3	36	8/10/2016	HNAD301	8	2	HOCHE3	Tiếng Anh NEF2	0106-06	Nguyễn Thị L	Hàng	Ngoại ngữ
46	4010602	04	001	3	35	8/10/2016	HNAD204	8	2	HOCHE3	Tiếng Anh NEF2	0106-15	Trương Thị T	Thủy	Ngoại ngữ
47	4010602	05	001	3	32	8/10/2016	HNAD301	8	2	HOCHE4	Tiếng Anh NEF2	0106-08	Cao Xuân	Hiên	Ngoại ngữ
48	4010602	06	001	3	35	8/10/2016	HNAD204	8	2	HOCHE4	Tiếng Anh NEF2	0106-08	Cao Xuân	Hiên	Ngoại ngữ
49	4010601	01	001	3	42	8/12/2016	HNAD101	8	2	HOCHE1	Tiếng Anh NEF1	0106-06	Nguyễn Thị L	Hàng	Ngoại ngữ
50	4010601	02	001	3	38	8/12/2016	HNAD201	8	2	HOCHE2	Tiếng Anh NEF1	0106-06	Nguyễn Thị L	Hàng	Ngoại ngữ
51	4010601	03	001	3	39	8/12/2016	HNAD203	8	2	HOCHE3	Tiếng Anh NEF1	0106-10	Trần Thị Bích	Hồng	Ngoại ngữ
52	4010601	04	001	3	39	8/12/2016	HNAD204	8	2	HOCHE3	Tiếng Anh NEF1	0106-10	Trần Thị Bích	Hồng	Ngoại ngữ
53	4010601	05	001	3	40	8/12/2016	HNAD201	8	2	HOCHE4	Tiếng Anh NEF1	0106-12	Nguyễn Hồng	Việt	Ngoại ngữ
54	4010601	06	001	3	41	8/12/2016	HNAD301	8	2	HOCHE4	Tiếng Anh NEF1	0106-11	Nguyễn Hồng	Vân	Ngoại ngữ
55	4010601	07	001	3	38	8/12/2016	HNAD401	8	2	HOCHE1	Tiếng Anh NEF1	0201-12	Ngô Văn	Thường	Môi trường
56	4010601	08	001	3	61	8/12/2016	HNAD301	8	2	HOCHE1	Tiếng Anh NEF1	0201-12	Ngô Văn	Thường	Môi trường
57	4010601	09	001	3	72	8/12/2016	HNAD201	8	2	HOCHE1	Cơ sở khai thác lộ thiên	0201-12	Nguyễn Thị	Hạnh	Ngoại ngữ
58	4010601	10	001	3	61	8/12/2016	HNAD301	8	2	HOCHE1	Cơ sở khai thác lộ thiên	0201-12	Nguyễn Thị	Hạnh	Ngoại ngữ
59	4010601	11	001	3	61	8/12/2016	HNAD301	8	2	HOCHE1	Cơ sở khai thác lộ thiên	0201-12	Nguyễn Thị	Hạnh	Ngoại ngữ
60	4010601	12	001	3	61	8/12/2016	HNAD301	8	2	HOCHE1	Cơ sở khai thác lộ thiên	0201-12	Nguyễn Thị	Hạnh	Ngoại ngữ
61	4020102	02	001	3	61	8/13/2016	HNAD201	4	2	HOCHE3	Nguyên lý cơ bản của Chu trình	0201-05	Nguyễn Thị	Thúy	Nguyên lý Chu trình
62	4020101	01	001	2	60	8/13/2016	HNAD301	6	2	HOCHE1	Nguyên lý cơ bản của Chu trình	0201-07	Đỗ Thị Kim	Thanh	Nguyên lý Chu trình
63	4020101	02	001	2	103	8/13/2016	HNAD101	6	2	HOCHE1	Nguyên lý cơ bản của Chu trình	0201-07	Đỗ Thị Kim	Thanh	Nguyên lý Chu trình
64	4020101	03	001	2	86	8/13/2016	HNAD201	6	2	HOCHE4	Nguyên lý cơ bản của Chu trình	0201-07	Đỗ Thị Kim	Thanh	Nguyên lý Chu trình
65	4020201	01	001	2	63	8/8/2016	HNAD101	10	2	HOCHE1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0202-03	Trần Thị Phụng	Ánh	Tư tưởng Hồ Chí Minh
66	4020201	02	001	2	63	8/8/2016	HNAD201	10	2	HOCHE4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0202-03	Trần Thị Phụng	Ánh	Tư tưởng Hồ Chí Minh
67	4020301	01	001	3	62	8/13/2016	HNAD101	10	2	HOCHE2	Đường lối cách mạng của Đảng	0203-05	Lê Quốc	Hiệp	Đường lối cách mạng của Đảng
68	4020301	02	001	3	61	8/13/2016	HNAD201	10	2	HOCHE3	Đường lối cách mạng của Đảng	0203-04	Nguyễn Thị T	Hà	Đường lối cách mạng của Đảng
69	4020103	01	001	2	65	8/12/2016	HNAD101	10	2	HOCHE2	Pháp luật đại cương	0201-06	Nguyễn Thị	Nu	Pháp luật
70	4020103	02	001	2	61	8/12/2016	HNAD201	10	2	HOCHE3	Pháp luật đại cương	0201-06	Nguyễn Thị	Nu	Pháp luật
71	4030114	01	001	2	59	8/12/2016	HNAD401	10	2	HOCHE1	Cơ sở khai thác lộ thiên	0301-12	Lê Thị Minh	Hạnh	Khai thác lộ thiên
72	4030114	02	001	2	61	8/12/2016	HNAD301	10	2	HOCHE2	Cơ sở khai thác lộ thiên	0301-12	Lê Thị Minh	Hạnh	Khai thác lộ thiên
73	4030422	01	001	2	60	8/13/2016	HNAD401	8	2	HOCHE1	Cơ sở tuyến khoáng	0304-09	Trần Trung	Tài	Tuyến khoáng
74	4030502	01	001	3	35	8/8/2016	HNAD203	2	2	HOCHE2	Sức bền vật liệu 2 - BT, 2	0305-10	Trần Mạnh	Tiến	Sức bền vật liệu
75	4030504	01	001	3	59	8/10/2016	HNAD402	2	2	HOCHE2	Sức bền vật liệu B	0305-11	Đinh Thị Thu	Hà	Sức bền vật liệu
76	4040101	01	001	3	14	8/8/2016	HNAD304	2	2	HOCHE4	Địa chất đại cương	0505-11	Lê Văn	Cánh	Địa chất
77	4050526	01	001	2	41	8/9/2016	HNAD403	2	2	HOCHE2	Trắc địa đại cương	0601-16	Phạm Thị	Hồng	Trắc địa
78	4060142	01	001	2	15	8/10/2016	HNAD202	4	2	HOCHE1	Địa vật lý đại cương	0602-08	Lê Ngọc	Ánh	Địa vật lý
79	4060206	01	001	2	14	8/8/2016	HNAD402	2	2	HOCHE1	Địa chất thủy văn, thủy địa hóa				Địa chất thủy văn

Trang 2/3

TT	Mã HP	Nhóm	Tổ	Số TC	Số SV	Ngày thi	Phòng	Tiết BD	Số tiết	Mã lớp	Tên HP	Mã GV	Họ và t. đệm	Tên GV	Bộ môn
80	4060428	01	001	2	34	8/8/2016	HNAD202	10	2	HOCHÉ1	Kỹ thuật bảo vệ lao động và bảo	0604-13	Nguyễn Trần	Tuân	Khoan khai thác
81	4060419	01	001	2	6	8/10/2016	HNAD503	2	2	HOCHÉ2	Kỹ thuật Khai thác khoáng sản	0604-01	Lê Xuân	Lân	Khoan khai thác
82	4060412	01	001	2	38	8/11/2016	HNAD204	2	2	HOCHÉ2	Thu gom, xử lý và vận chuyển	0604-21	Trần Hữu	Kiên	Khoan khai thác
83	4060420	01	001	2	60	8/12/2016	HNAD401	2	2	HOCHÉ1	Thu hồi dầu khí tăng cường	0604-01	Lê Xuân	Lân	Khoan khai thác
84	4060402	01	001	2	62	8/12/2016	HNAD502	6	2	HOCHÉ1	Kỹ thuật dẫn khí đại cương	0604-09	Đoàn Tài	Trần	Khoan khai thác
85	4060413	01	001	2	31	8/13/2016	HNAD202	4	2	HOCHÉ2	Công nghệ khoan dầu khí	0604-07	Lê Quang	Duyên	Khoan khai thác
86	4070102	01	001	3	49	8/8/2016	HNAD201	2	2	HOCHÉ2	Kinh tế vi mô	0701-06	Vũ Diệp	Anh	Kinh tế cơ sở
87	4070103	01	001	3	52	8/11/2016	HNAD401	2	2	HOCHÉ1	Kinh tế vi mô	0701-06	Vũ Thi	Hiên	Kinh tế cơ sở
88	4080202	01	001	3	62	8/10/2016	HNAD101	4	2	HOCHÉ1	Tin học đại cương + TH (dùng	0802-07	Đào Thu	Vân	Tin học cơ bản
89	4080201	01	001	3	64	8/10/2016	HNAD401	6	2	HOCHÉ1	Tin học đại cương + TH (dùng	0802-13	Bùi Thị Vân	Anh	Tin học cơ bản
90	4080201	02	001	3	66	8/10/2016	HNAD301	6	2	HOCHÉ2	Tin học đại cương + TH (dùng	0802-05	Vũ Lê	Phượng	Tin học cơ bản
91	4080201	03	001	3	128	8/10/2016	HNAD101	6	2	HOCHÉ1	Tin học đại cương + TH (dùng	0802-07	Đào Thu	Vân	Tin học cơ bản
92	4080201	04	001	3	117	8/10/2016	HNAD201	6	2	HOCHÉ2	Tin học đại cương + TH (dùng	0802-04	Phạm Đức	Hậu	Tin học cơ bản
93	4080202	01	001	2	60	8/8/2016	HNAD101	2	2	HOCHÉ1	Vận hành hệ thống điện	0901-11	Nguyễn Thị	Đầu	Điện khí hóa
94	4080202	01	001	2	53	8/8/2016	HNAD402	6	2	HOCHÉ1	Vận hành điện	0901-04	Lê Xuân	Đi Anh	Điện khí hóa
95	4080202	01	001	2	61	8/10/2016	HNAD301	2	2	HOCHÉ1	Thiết bị điện tử	0901-05	Phạm Thị	Nam	Điện khí hóa
96	4080202	01	001	2	18	8/10/2016	HNAD203	12	2	HOCHÉ1	Thiết bị điện tử	0901-06	Hồ Việt	Brun	Điện khí hóa
97	4080202	01	001	2	60	8/10/2016	HNAD201	2	2	HOCHÉ1	Kỹ thuật thủy văn	0901-10	Nguyễn Sơn	Sông	Thủy văn
98	4080202	01	001	2	60	8/10/2016	HNAD201	2	2	HOCHÉ1	Môi trường và phát triển bền	1001-09	Vũ Thị Lan	Anh	Môi trường và
99	4080202	01	001	2	60	8/10/2016	HNAD201	2	2	HOCHÉ1	Môi trường và phát triển bền	1001-10	Nguyễn Thị	Quốc	Môi trường và
100	4110206	01	001	2	60	8/8/2016	HNAD101	8	2	HOCHÉ1	Môi trường và phát triển bền	1001-03	Trần Thị Kim	Hà	Môi trường và
101	4110206	01	001	2	60	8/8/2016	HNAD101	8	2	HOCHÉ1	Môi trường và phát triển bền	1001-03	Trần Thị Kim	Hà	Môi trường và
102	4110206	01	001	2	60	8/8/2016	HNAD101	8	2	HOCHÉ1	Môi trường và phát triển bền	1001-03	Trần Thị Kim	Hà	Môi trường và

Lưu ý:

- Tổ chức thi kết thúc học phần theo Quy chế đào tạo và Quy trình thi
- Hình thức đề thi căn cứ rõ: Không = Không sử dụng tài liệu, Được = Được tham khảo tài liệu trên giấy (thực phẩm Nguyên lý kế toán) - Được sử dụng Bảng hệ thống kế toán - Có sẵn trên khoảng - Được dùng máy tính FX500 không thẻ nhớ
- Cán bộ coi thi (CBCT) nhận đề thi, giấy thi, giấy nhập ở Phòng 205 20 phút trước giờ thi
- CBCT và sinh viên có mặt tại phòng thi ít nhất 15 phút trước giờ thi
- CBCT đánh SBC, kiểm tra thẻ sinh viên/CMND và gọi SV vào phòng thi, hướng dẫn SV ghi thông tin cá nhân và mã đề thi vào tờ giấy thi
- Không được sử dụng điện thoại trong phòng thi
- Hai giờ làm bài: CBCT thu bài thi, xếp bài (theo thứ tự SBC và học sinh) Phòng KT&ĐRC (GD)
- Chăm thi tập trung tại địa điểm nhà Trường từ 9h ngày thi kết thúc làm bài. Bộ môn sẽ họp với Phòng KT&ĐRC (GD) để hướng dẫn thi sinh viên
- Không sử dụng điện thoại, không xem tài liệu trong phòng chờ thi
- Bài giao diện thi cho Phòng KT&ĐRC (GD) theo bản file điểm ngay sau khi chấm bài xong

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2016
TL. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHỤ TRÁCH
PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGĐ

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **373** /MĐC-KT&ĐBCLGD

Hà Nội, ngày **28** tháng **9** năm **2016**

V/v thông báo các học phần khảo thí
học kỳ I, năm học 2016- 2017

Kính gửi: - Ban chủ nhiệm các Khoa;
- Ban chủ nhiệm các Bộ môn;
- Giảng viên và sinh viên.

Học kỳ I, năm học 2016-2017, Nhà trường tổ chức khảo thí đối với 145 học phần giảng dạy tại Hà Nội và 50 học phần giảng dạy tại Vũng Tàu, chia thành hai đợt: đợt I gồm các học phần kết thúc giảng dạy ngày 15/10/2016 và đợt II kết thúc ngày 10/12/2016.

Đề công tác khảo thí được tiến hành đúng kế hoạch, đề nghị các Bộ môn gửi đề thi, đáp án về Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục trước ngày 10/10/2016 đối với các học phần của đợt I và trước ngày 05/12/2016 đối với các học phần của đợt II.

Số lượng đề thi và đáp án làm theo quy định của Quy trình khảo thí (*Quyết định số 457/QĐ-MĐC ngày 21/4/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất*). Danh sách các học phần khảo thí và mẫu các đề thi, đáp án được gửi kèm tới các đơn vị.

Giảng viên có thể nhập các điểm thành phần b, c trực tuyến trong các khoảng thời gian như sau:

- Đối với các học phần giảng dạy tại Hà Nội, thời gian từ 10/10/2016 đến 22/10/2016 và từ 05/12/2016 đến 17/12/2016 tương ứng với đợt I và đợt II;
- Đối với các học phần giảng dạy tại Vũng Tàu, thời gian từ 17/10/2016 đến 22/10/2016 và từ 12/12/2016 đến 17/12/2016 tương ứng với đợt I và đợt II.

Giảng viên sau khi hoàn thành việc nhập điểm thành phần, in bảng điểm từ hệ thống, gửi bằng điểm có chữ ký của giảng viên và lãnh đạo bộ môn về Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

Đề nghị Ban chủ nhiệm các Khoa, Ban chủ nhiệm các Bộ môn phổ biến đến giảng viên và sinh viên thuộc đơn vị mình quản lý để thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (để thực hiện);
- BGH (để báo cáo);
- HUMG iOFFICE;
- Lưu: HCTH, KT&ĐBCLGD_(Đu)

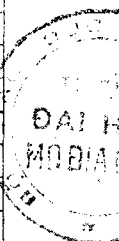
**HIỆU TRƯỞNG
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**
PGS.TS Dư Thị Xuân Thảo

CÁC HỌC PHẦN KHẢO THÍ ĐỢT I - HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2016 - 2017 - HÀ NỘI

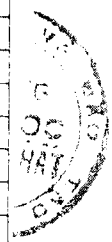
TT	Mã HP	Tên học phần - ĐỢT I	Số SV ĐK	TT	Mã HP	Tên học phần - ĐỢT I	Số SV ĐK
1	4010105	Xác suất thống kê	68	29	4060412	Thu gom, xử lý và VC chất lưu	125
2	4010302	Hóa học đại cương phần 2	35	30	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	110
3	4010401	Hình học họa hình	423	31	4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	58
4	4010402	Vẽ kỹ thuật	92	32	4070216	Quản trị học	102
5	4010504	Cơ học ứng dụng	118	33	4080709	Kiến trúc máy tính	204
6	4020103	Pháp luật đại cương	353	34	4090107	An toàn điện	121
7	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	989	35	4090126	Cơ sở cung cấp điện	231
8	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	64	36	4090152	Vận hành hệ thống điện	67
9	4030417	Cơ sở tuyển khoáng	245	37	4090208	Điều khiển mờ và mạng nơron	63
10	4030504	Sức bền vật liệu B	50	38	4090210	Các hệ thống rời rạc	71
11	4040102	Địa chất cơ sở	273	39	4090212	Mô hình hoá và mô phỏng QT SX	52
12	4040105	Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ ĐC	91	40	4090213	Điện tử công suất	105
13	4040107	Địa mạo và trầm tích đệ tứ	174	41	4090214	Cơ sở truyền động điện	89
14	4040207	Địa chất mỏ	52	42	4090216	Điều khiển TĐ truyền động điện	64
15	4040305	Thạch học 2	51	43	4090221	Tiếng Anh chuyên ngành TĐH	56
16	4040617	Địa chất thủy văn	138	44	4090223	Robot công nghiệp	43
17	4050106	Quan trắc biến dạng công trình	60	45	4090224	Phương pháp lập trình CNC	63
18	4050526	Trắc địa đại cương	182	46	4090226	Chuyên đề 1+2	63
19	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	70	47	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	227
20	4060142	Địa vật lý đại cương	191	48	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	63
21	4060206	ĐCTV, thủy địa hóa các mỏ DK	60	49	4090421	Nguyên lý máy	58
22	4060217	Quản lý phát triển mỏ dầu khí	61	50	4100203	Môi trường trong xây dựng	47
23	4060302	Hoà hữu cơ I	60	51	4100206	Kết cấu thép	109
24	4060305	Các quá trình thủy lực và CH VL rời	59	52	4110104	Quá trình truyền nhiệt trong CNMT	35
25	4060311	Kỹ thuật MT trong CN hóa học	62	53	4110110	Điều tra ĐC MT và tai biến ĐC	81
26	4060321	An toàn lao động trong CN hoá học	60	54	4110209	Quản lý môi trường	120
27	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	88	55	4110303	Quan trắc và xử lý số liệu MT	61
28	4060410	Tính chất vật lý tầng chứa	61	56	4090211	Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	33
				Tổng			6751

CÁC HỌC PHẦN KHẢO THÍ ĐỢT II - HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2016 - 2017 - HÀ NỘI

TT	Mã HP	Tên học phần - ĐỢT II	Số SV ĐK	TT	Mã HP	Tên học phần - ĐỢT II	Số SV ĐK
1	4010101	Dại số	2373	41	4040105	Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ ĐC	60
2	4010102	Giải tích 1	2233	42	4040107	Địa mạo và trầm tích đệ tứ	121
3	4010103	Giải tích 2	61	43	4040203	Phương pháp thăm dò mỏ + BTL	100
4	4010105	Xác suất thống kê	315	44	4040207	Địa chất mỏ	114
5	4010106	Phương pháp tính	66	45	4040401	Địa chất các mỏ khoáng + TH	170
6	4010109	Logic đại cương	66	46	4040519	Địa chất công trình	250
7	4010110	Toán tối ưu	140	47	4040601	Địa chất thủy văn đại cương	164
8	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	62	48	4040616	Cơ sở địa chất thủy văn - ĐCCT	211
9	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	2294	49	4040617	Địa chất thủy văn	88
10	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	666	50	4050106	Quan trắc biến dạng công trình	25
11	4010302	Hóa học đại cương phần 2	60	51	4050201	Trắc địa cao cấp đại cương	305
12	4010303	Hoá vô cơ phần 1 + TN	185	52	4050202	Xây dựng lưới trắc địa	18
13	4010305	Hóa phân tích phần 1 + TN	247	53	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)- A-TĐ+BTL	303
14	4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	68	54	4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	207
15	4010308	Hoá lý phần 1 + TN	122	55	4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	267
16	4010401	Hình học họa hình	424	56	4050404	Lý thuyết sai số + BTL	64
17	4010402	Vẽ kỹ thuật	102	57	4050526	Trắc địa đại cương	189
18	4010403	Autocad + TH	417	58	4050527	Thực tập trắc địa đại cương	233
19	4010406	Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL	747	59	4050701	Cơ sở bản đồ và vẽ bản đồ + ĐA	43
20	4010501	Cơ học lý thuyết 1	1386	60	4050707	Bản đồ chuyên đề + ĐA	39
21	4010504	Cơ học ứng dụng	60	61	4060121	Địa vật lý giếng khoan + TH	61
22	4010601	Tiếng Anh NEF1	88	62	4060142	Địa vật lý đại cương	181
23	4010602	Tiếng Anh NEF2	91	63	4060203	Địa chất dầu khí 1	65
24	4020101	Nguyên lý CB của CN Mác-Lênin 1	2868	64	4060206	ĐCTV, thủy địa hóa các mỏ dầu kh	53
25	4020102	Nguyên lý CB của CN Mác-Lênin 2	755	65	4060214	Tiếng Anh chuyên ngành ĐC DK	45
26	4000002	Tâm lý học đại cương	66	66	4060218	Địa chất dầu khí	161
27	4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	128	67	4060302	Hoá hữu cơ 1	59
28	4020103	Pháp luật đại cương	1130	68	4060305	Các quá trình thủy lực và CH VLrò	54
29	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1114	69	4060311	Kỹ thuật MT trong CN hoá học	56
30	4020301	Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	1901	70	4060321	An toàn lao động trong CN hoá học	62
31	4000005	Kỹ năng GT và làm việc theo nhóm	153	71	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	146
32	4030108	An toàn và vệ sinh LĐ trong KTLT	127	72	4060410	Tính chất vật lý tầng chứa	55
33	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	137	73	4060412	Thu gom, xử lý và VC chất lưu	60
34	4030208	Kỹ thuật môi trường mỏ hầm lò	62	74	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	120
35	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	71	75	4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	107
36	4030417	Cơ sở tuyển khoáng	330	76	4060416	Tiếng Anh chuyên ngành	132
37	4030504	Sức bền vật liệu B	111	77	4060420	Thu hồi dầu khí tăng cường	71
38	4030507	Cơ học kết cấu 1 + BTL1	287	78	4060504	Khai thác kỹ thuật máy và TB DK	44
39	4040101	Địa chất đại cương	374	79	4060428	Kỹ thuật bảo hộ LĐ và bảo vệ MT	66
40	4040102	Địa chất cơ sở	230	80	4060440	Công nghệ khai thác dầu khí 1	61



TT	Mã HP	Tên học phần - ĐỢT II	Số SV ĐK	TT	Mã HP	Tên học phần - ĐỢT II	Số SV ĐK
81	4060501	Kỹ thuật ma sát	42	112	4090214	Cơ sở truyền động điện	120
82	4060503	Thiết bị khai thác dầu khí I	43	113	4090216	Điều khiển tự động truyền động điện	70
83	4070101	Kinh tế vi mô	492	114	4090220	Tự động hóa quá trình SX + ĐA	145
84	4070102	Kinh tế vi mô	485	115	4090221	Tiếng Anh chuyên ngành TDH	58
85	4070103	Kinh tế lượng	484	116	4090223	Robot công nghiệp	63
86	4070205	Marketing căn bản	60	117	4090224	Phương pháp lập trình CNC	113
87	4070215	Tâm lý học quản trị kinh doanh	68	118	4090226	Chuyên đề 1+2	74
88	4070216	Quản trị học	60	119	4090301	Kỹ thuật điện +TN	340
89	4070303	Kinh tế công nghiệp	185	120	4090305	Cơ sở lý thuyết mạch điện 1 +TN	117
90	4070309	Phân tích KT hoạt động KD	436	121	4090307	Lý thuyết mạch điện - điện tử +TN	35
91	4070401	Nguyên lý kế toán	180	122	4090402	Vật liệu kỹ thuật + TN	181
92	4070411	Tài chính tiền tệ	112	123	4090406	Cơ sở thiết kế máy	103
93	4080106	Phát triển ứng dụng Web + BTL	59	124	4090409	Kỹ thuật gia công cơ khí 2	81
94	4080122	Tiếng Anh chuyên ngành CNTT	62	125	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	120
95	4080201	Tin học đại cương +TH (Kỹ thuật)	1714	126	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	121
96	4080202	Tin học đại cương +TH (Kinh tế)	115	127	4090421	Nguyên lý máy	70
97	4080216	Tin học B + TH (khối kỹ thuật)	98	128	4090510	Công nghệ sửa chữa máy	84
98	4080217	Tin học B + TH (khối kinh tế)	320	129	4090541	Máy thủy lực và máy nén khí	136
99	4080316	Tin học đại cương ứng dụng	24	130	4100203	Môi trường trong xây dựng	56
100	4080707	Lập trình mạng	54	131	4100204	Kết cấu bê tông cốt thép	221
101	4080709	Kiến trúc máy tính	176	132	4100206	Kết cấu thép	57
102	4090107	An toàn điện	122	133	4100303	Quy hoạch GT và thiết kế đường	41
103	4090126	Cơ sở cung cấp điện	279	134	4110104	Quá trình truyền nhiệt trong CNMT	41
104	4090152	Vận hành hệ thống điện	72	135	4110106	Sinh thái học môi trường	102
105	4090203	Lý thuyết điều khiển TĐ nâng cao	138	136	4110110	Điều tra ĐC MT và tai biến ĐC	68
106	4090206	Kỹ thuật đo lường + TH	127	137	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	190
107	4090208	Điều khiển mờ và mạng nơron	73	138	4110209	Quản lý môi trường	60
108	4090209	Điều khiển số	145	139	4110220	Quản lý MT đô thị và khu CN	113
109	4090210	Các hệ thống rời rạc	69	140	4110236	Môi trường và con người	438
110	4090212	Mô hình hoá và mô phỏng QTSX	71	141	4110303	Quan trắc và xử lý số liệu MT	108
111	4090213	Điện tử công suất	60	Tổng			36698





CÁC HỌC PHẦN KHẢO THÍ ĐỢT I, II - HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2016 - 2017, VÙNG T ÀU

TT	Mã HP	Tên học phần - ĐỢT I	Số SV
1	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	171
2	4010302	Hóa học đại cương phần 2	64
3	4010308	Hoá lý phần 1 + TN	67
4	4010401	Hình học họa hình	58
5	4020301	Đường lối CM của Đảng CSVN	48
6	4030504	Sức bền vật liệu B	62
7	4040105	Địa chất cấu tạo và vẽ bản đồ ĐC	62
8	4040519	Địa chất công trình	29
9	4040617	Địa chất thủy văn	29
10	4060142	Địa vật lý đại cương	55
11	4060206	ĐC IV, thủy địa hóa các mỏ DK	55
12	4060311	Kỹ thuật MT trong CN hóa học	67
13	4060412	Thu gom, xử lý và VC chất lưu	51
14	4060416	Tiếng Anh chuyên ngành	51
15	4090208	Điều khiển mờ và mạng nơron	44
16	4090221	Tiếng Anh chuyên ngành TĐH	48
17	4090224	Phương pháp lập trình CNC	44
Tổng			1005

TT	Mã HP	Tên học phần - ĐỢT II	Số SV
1	4010101	Đại số	56
2	4010102	Giải tích I	56
3	4010105	Xác suất thống kê	91
4	4010303	Hoá vô cơ phần 1 + TN	64
5	4010306	Hóa phân tích phần 2	67
6	4010501	Cơ học lý thuyết I	171
7	4010403	Autocad + TH	99
8	4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	49
9	4020101	Nguyên lý CB của CN Mác-LN I	56
10	4020103	Pháp luật đại cương	56
11	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	170
12	4040102	Địa chất cơ sở	58
13	4060218	Địa chất dầu khí	62
14	4060302	Hoá hữu cơ I	67
15	4060305	Các quá trình thủy lực và CHVL rò	67
16	4060321	An toàn LĐ trong CN hoá học	67
17	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	46
18	4060410	Tính chất vật lý tầng chứa	55
19	4060412	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất	34
20	4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	89
21	4060420	Thu hồi dầu khí tăng cường	46
22	4060504	Khai thác kỹ thuật máy và TBĐK	34
23	4080201	Tin học đại cương +TH (Kỹ thuật)	56
24	4090220	Tự động hóa quá trình SX + ĐA	44
25	4090223	Robot công nghiệp	44
26	4090226	Chuyên đề 1+2	44
27	4090247	Điều khiển nhúng + ĐA	44
28	4090301	Kỹ thuật điện +TN	81
29	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	41
30	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	48
31	4090421	Nguyên lý máy	62
32	4090541	Máy thủy lực và máy nén khí	62
33	4110236	Môi trường và con người	85
Tổng			2171

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **457** /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày **21** tháng **4** năm **2016**

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy trình khảo thí kết thúc học kỳ đối với sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường Đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18/04/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 276/2013/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất tại cuộc họp Thường trực Hội đồng về công tác khảo thí của Nhà trường ngày 19/4/2016;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

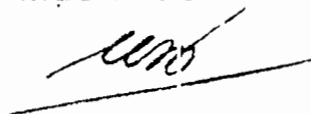
Điều 1. Ban hành Quy trình khảo thí kết thúc học kỳ đối với sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn, trưởng các đơn vị liên quan, Tổ trưởng Tổ DBCL, giảng viên và sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- BGH (để chỉ đạo);
- Như điều 2 (để thực hiện);
- Lưu: P.HCTH, P.ĐTĐH.

HIỆU TRƯỞNG



QUY TRÌNH KHẢO THÍ KẾT THÚC HỌC PHẦN ĐỐI VỚI SINH VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY

(kèm theo Quyết định số 457/QĐ-MĐC của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất
ban hành ngày 21/4/2016)

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy trình khảo thí kết thúc học phần (sau đây gọi tắt là quy trình khảo thí) được áp dụng cho sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy của Trường Đại học Mở - Địa chất.

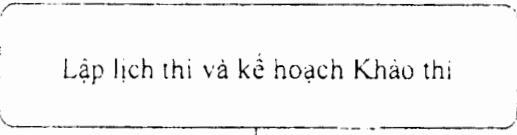
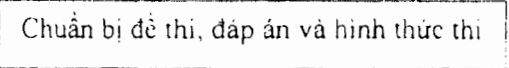
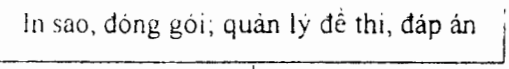
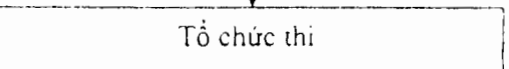
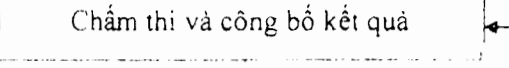
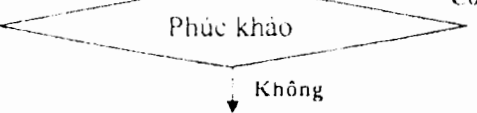
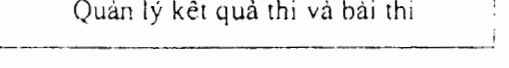
Quy trình này quy định trách nhiệm và quyền hạn, phân công nhiệm vụ giữa các đơn vị và cá nhân thực hiện công tác khảo thí theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Mục tiêu xây dựng và thực hiện quy trình khảo thí

Quy trình khảo thí là một trong những cơ sở quan trọng để đánh giá người học, đánh giá chất lượng đào tạo của Nhà trường; là một trong những cơ sở để Nhà trường lập kế hoạch và triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng và hoạt động cải tiến chất lượng đào tạo.

3. Nội dung

Quy trình khảo thí và phân công nhiệm vụ cho các đơn vị thực hiện được mô tả như dưới đây:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Biểu mẫu liên quan (Phụ lục)
1.  Lập lịch thi và kế hoạch Khảo thí	Phòng ĐTĐH, Tổ ĐBCL	Mẫu 01: Kế hoạch khảo thí; Thông báo; Lịch thi; Kế hoạch nộp đề thi; Nhập điểm các thành phần b, c; Coi thi; Chấm thi; Báo điểm; Phúc khảo.
2.  Chuẩn bị đề thi, đáp án và hình thức thi	Tổ ĐBCL, Khoa/Bộ môn	Mẫu 02: Mẫu đề thi, đáp án; thời gian làm bài, hình thức thi.
3.  In sao, đóng gói; quản lý đề thi, đáp án	Tổ ĐBCL	Mẫu 03: Biên bản sao in đề thi; Mẫu Túi đựng đề thi; Mẫu niêm phong.
4.  Tổ chức thi	Phòng ĐTĐH, Tổ ĐBCL, Khoa/Bộ môn	Mẫu 04: Danh sách phòng thi/Thu bài thi; Mẫu 05: Biên bản giao/nhận đề thi; Mẫu 06: Biên bản thu bài; Mẫu 07: Biên bản xử lý vi phạm quy chế thi; Mẫu 08: Biên bản giao/nhận bài thi; Mẫu 09: Biên bản ghi SBD - Phách;
5.  Chấm thi và công bố kết quả	Tổ ĐBCL, Phòng ĐTĐH, Khoa/Bộ môn	Mẫu 10: Biên bản chấm thi (Phách - Điểm); Mẫu 11: Bảng ghi điểm thi học kỳ.
6.  Phúc khảo	Tổ ĐBCL	Mẫu 12: Đơn xin phúc khảo; Mẫu 13: Thông báo kết quả phúc khảo.
7.  Quản lý kết quả thi và bài thi	Tổ ĐBCL	Mẫu 14: Biên bản bàn giao kết quả thi học kỳ; Mẫu 15: Biên bản hủy bài thi định kỳ.

3.1 Lập lịch thi và kế hoạch khảo thí

Vào đầu mỗi học kỳ, Tổ ĐBCL thông báo kế hoạch khảo thí trên cơ sở lịch thi học phần đã được Phòng ĐTDH sắp xếp. Kế hoạch có thông kê chi tiết về các học phần khảo thí; kế hoạch nhập điểm b, c; kế hoạch coi thi, chấm thi, bảo điểm và phúc khảo.

3.2 Chuẩn bị đề thi, đáp án và hình thức thi

- Trường Bộ môn tổ chức họp Bộ môn, thảo luận, thống nhất hình thức thi đối với mỗi học phần (tự luận, trắc nghiệm trên giấy, trắc nghiệm kết hợp tự luận, vấn đáp, thực hành trên máy tính), tính chất đề thi (được tham khảo hoặc không được tham khảo tài liệu in trên giấy).

- Đề thi (theo mẫu) phải có nội dung tương ứng với thời gian làm bài, phù hợp với đề cương chi tiết học phần. Trong đề thi phải có thang điểm cho từng câu hỏi. Thời gian làm bài thi tự luận, trắc nghiệm, trắc nghiệm kết hợp tự luận, trên giấy là 50 hoặc 75 phút.

- Đối với hình thức thi tự luận, thi trắc nghiệm trên giấy hoặc thi thực hành trên máy tính, một ca thi kết thúc học phần phải có 6 - 10 đề thi khác nhau.

- Đối với đề thi trắc nghiệm: Đề thi có 25 - 50 câu hỏi với thang điểm giống nhau. Phiếu trả lời trắc nghiệm theo thiết kế chung của Nhà trường.

- Đối với đề thi trắc nghiệm kết hợp tự luận, đồng thời là bài thi, phải thiết kế phần làm phách riêng (theo mẫu).

- Đối với hình thức thi vấn đáp: Số đề và đáp án cho mỗi đợt thi cần chuẩn bị tối thiểu là 40. Thời gian sinh viên nhận đề và chuẩn bị bài thi tối thiểu là 10 phút; thời gian sinh viên được hỏi thi và trả lời vấn đáp không quá 15 phút.

- Đối với hình thức thi thực hành trên máy vi tính, sinh viên không được sử dụng các thiết bị điện tử để kết nối internet, USB, bluetooth, hồng ngoại giữa các máy tính và giữa máy tính với các thiết bị khác.

- Khi Nhà trường chưa có ngân hàng đề thi, đáp án. Trước kỳ thi, Bộ môn chuẩn bị số lượng đề thi phù hợp, có đáp án - hướng dẫn chấm (theo mẫu) tương ứng, sau đây gọi tắt là bộ đề thi - đáp án. Đề thi và đáp án được cho vào 2 phong bì riêng dán kín có ghi rõ tên học phần, hình thức thi, số lượng đề/đáp án, niêm phong và gửi về Tổ ĐBCL để phục vụ công tác in sao đề, quản lý đề thi và đáp án.

- Nhà trường khuyến khích các Bộ môn ra đề thi, làm đáp án - hướng dẫn chấm theo hình thức trắc nghiệm.

- Bộ môn thống nhất hình thức thi kết thúc học phần, làm danh sách học phần khảo thí và chuẩn bị đủ số lượng đề thi nộp cho Khoa. Khoa tập hợp danh sách các học phần khảo thí trong học kỳ cùng với số bộ đề thi - đáp án tương ứng của các đơn vị và gửi về Tổ ĐBCL, muộn nhất là **02 tuần trước kỳ thi**.

3.3 In sao, đóng gói và quản lý đề thi, đáp án

- Đề thi được sao in và đóng gói theo số liệu ngày thi, ca thi, môn thi, phòng thi. Lập biên bản khi kết thúc quá trình in sao đề thi.

- Đề thi và đáp án phải được lưu trữ, cập nhật hàng năm và được bảo mật tại Bộ môn chủ quản học phần và Tổ ĐBCL.

3.4 Tổ chức thi

Điểm các thành phần b, c và thông tin cần thi (nếu có) chỉ được giảng viên nhập vào hệ thống trong **tuần cuối trước khi kết thúc đợt học hoặc kết thúc học phần và 03 ngày** của tuần kế tiếp.

3.4.1 Các học phần thi tự luận và trắc nghiệm trên giấy

a) Trách nhiệm của Phòng ĐTDH, Tổ ĐBCL

- Tổ ĐBCL, Phòng ĐTDH công bố Danh sách phòng thi có cập nhật các thông số nợ học phí, cấm thi do nghỉ học quá thời gian quy định.

- Trước giờ thi: tổ chức bốc thăm cán bộ coi thi (CBCT) nếu cần thiết; bàn giao túi đựng tài liệu phòng thi gồm có giấy thi, giấy nháp, danh sách phòng thi/thu bài thi và các giấy tờ khác cho CBCT.

- Bộ trí cán bộ trực tại điểm thi để giải quyết sự cố liên quan đến thủ tục thi (nếu có) và kiểm tra tình hình buổi thi, ca thi.

- Kiểm tra số bài thi, thông tin trên bài thi, bài thi phải được CBCT sắp xếp theo thứ tự số báo danh, thu bài thi từ CBCT.

b) Trách nhiệm của Khoa/Bộ môn

- Bộ môn thông nhất hình thức thi, chuẩn bị đủ số lượng đề thi

- Bộ môn và Khoa chủ quản chủ động bố trí CBCT theo số lượng sinh viên/phòng thi. Phòng thi có ít hơn 40 SV cần bố trí 1 CBCT; từ 40 đến dưới 80 SV cần bố trí 2 CBCT; từ 80 đến dưới 120 SV cần bố trí 3 CBCT...); Bộ môn và Khoa lập danh sách, phân công CBCT **trước kỳ thi 02 tuần**.

- Khoa tập hợp danh sách CBCT, phân công bổ sung CBCT (nếu cần thiết) và gửi Danh sách cán bộ coi thi về Phòng ĐTDH cũng như đề nghị Nhà trường hỗ trợ CBCT (với số lượng cụ thể) trong trường hợp không thể huy động được đủ CBCT ở Bộ môn hoặc Khoa chủ quản học phần, muộn nhất là **02 tuần trước kỳ thi**

c) Trách nhiệm của CBCT

- Cán bộ coi thi là người có ý thức trách nhiệm, có tinh thần làm việc nghiêm túc, được Khoa/Bộ môn phân công làm công tác coi thi. Nhà trường phê duyệt danh sách CBCT.

- Có mặt ít nhất **15 phút trước giờ thi** để nhận tài liệu phòng thi, đề thi.

- Đánh số chỗ ngồi theo số báo danh dự thi, kiểm tra thẻ và gọi sinh viên vào phòng thi. Hướng dẫn sinh viên ghi thông tin vào giấy thi. Không tự ý ghi thêm tên sinh viên vào danh sách dự thi trừ khi có Giấy phép học ghép hoặc giấy tờ cho phép dự thi của Tổ trưởng Tổ ĐBCL hoặc lãnh đạo P.ĐTDH.

- Những trường hợp thiếu giấy tờ cần thiết để dự thi (thẻ sinh viên hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh) CBCT yêu cầu sinh viên làm giấy cam đoan và phải ký xác nhận (giấy cam đoan cho vào túi đựng bài thi).

- Tuân thủ đúng thời gian thi theo quy định (mở đề, phát đề, làm bài, thu bài). Duy trì trật tự phòng thi và không để xảy ra gian lận thi. Nếu phát hiện có hiện tượng gian lận thi phải lập Biên bản xử lý theo đúng Quy chế.

- Chỉ cho phép sinh viên ký tên vào danh sách thu bài sau khi đã nộp bài thi và ghi rõ số tờ giấy thi

- CBCT ghi và ký nhận tổng số bài thi, tổng số tờ giấy thi vào Danh sách thu bài và bên ngoài túi đựng bài thi. Sau khi được Tổ ĐBCL kiểm tra và xác nhận, CBCT ký nhận vào sổ Biên bản thu bài thi.

- CBCT niêm phong túi bài thi và nộp cho Tổ ĐBCL.

3.4.2 Các học phần thi vấn đáp

- Khoa nộp đề thi cho Tổ ĐBCL các học phần thi vấn đáp theo quy định.

- Bộ môn báo cáo Khoa kế hoạch tổ chức thi vấn đáp. Khoa tập hợp gửi lên Phòng ĐTDH để Tổ ĐBCL chuẩn bị đề thi vấn đáp hoặc điều chỉnh lịch thi cho phù hợp.

- Bộ môn chủ quản bố trí văn phòng bộ môn hoặc phòng thi nghiệm bộ môn để tổ chức thi vấn đáp, liên hệ với Phòng ĐTDH nếu có nhu cầu bố trí giảng đường cho thi vấn đáp.

- Bộ môn bố trí ít nhất 02 cán bộ cho thi và chấm thi mỗi học phần vấn đáp theo Quy chế Đào tạo.

- Sinh viên chỉ được lấy đề 01 lần ngẫu nhiên để đảm bảo yếu tố khách quan, công bằng.

- Cán bộ chấm thi công bố điểm thi vấn đáp ngay sau khi kết thúc hội thi đối với mỗi sinh viên. Bộ môn và Khoa tập hợp tất cả kết quả thi các học phần vấn đáp và gửi cho Tổ ĐBCL.

- Không tổ chức phúc khảo các học phần thi theo hình thức vấn đáp.

3.4.3 Đối với các học phần thi thực hành trên máy

Hình thức thi thực hành trên máy tính hoặc và các loại máy chuyên dụng... và các hình thức thi khác (nếu có) chỉ được thực hiện khi điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường đáp ứng yêu cầu và được Hiệu trưởng phê duyệt.

Bộ môn phải có đề xuất, mô tả cụ thể về mục đích, nội dung, bố cục của một bài thi/buổi thi, nhiệm vụ của các đơn vị phối hợp, CBCT... để đảm bảo tổ chức thi kết thúc học phần một cách khách quan, công bằng.

a) Trách nhiệm của Tổ ĐBCL

- Thông báo lịch thi và đề nghị thanh tra đào tạo giám sát thi.
- Lưu bài thi và lưu các bài thi đã làm phách theo quy định.

b) Trách nhiệm của Khoa/Bộ môn:

- Chuẩn bị đầy đủ số đề thi thực hành trên máy theo quy định.
- Lập danh sách cán bộ coi thi.

c) Trách nhiệm của CBCT

- Kiểm tra máy tính cho ca thi mình phụ trách.
- Kiểm tra, nhắc sinh viên không được sử dụng kết nối internet, USB, bluetooth, hồng ngoại giữa các máy tính và giữa máy tính với các thiết bị khác.
- Gọi sinh viên vào phòng thi, bố trí máy tính cho sinh viên thi.
- Ổn định trật tự và thông báo cho sinh viên yêu cầu khi thi thực hành trên máy tính: làm bài thi, quy ước đặt tên file/thư mục khi lưu bài thi. Sinh viên lưu bài thi không đúng yêu cầu coi như bị phạm quy.
- Lưu trữ bài thi, kết quả thi của sinh viên khi hết thời gian làm bài.
- Yêu cầu sinh viên ký vào biên bản thu bài thi.
- Nộp bài thi cho Tổ ĐBCL theo quy định.

3.5 Chấm thi và công bố kết quả

Quy trình chấm thi được áp dụng cho các học phần thi viết rọc phách, trắc nghiệm trên giấy và thực hành trên máy tính.

a) Tổ ĐBCL

- Tổ ĐBCL là bộ phận điều hành, giám sát toàn bộ quy trình chấm thi và thông báo điểm thi tất cả các học phần.
- Thống kê danh sách sinh viên vi phạm quy chế thi, vắng thi.
- Kiểm tra bài thi, ghi phách và cắt phách các bài thi viết; làm phách các file kết quả bài thi thực hành trên máy tính theo quy định.
- Tổ chức chấm thi tập trung; giao bài thi đã cắt phách hoặc các file đã làm phách và biên bản chấm thi cho Bộ môn; giao lại bộ đề thi – đáp án để Bộ môn sử dụng chấm thi, tự bảo quản và bảo mật theo quy định.
- Nhận file biên bản chấm thi từ các Bộ môn; ghép phách và báo điểm thi cho Phòng ĐTDH theo quy định; gửi bảng điểm về Văn phòng Khoa để thông báo cho các Bộ môn và lưu điểm thi theo quy định.
- Tiếp nhận đơn phúc khảo của sinh viên.
- Tổ chức chấm thi phúc khảo.
- Thông báo kết quả phúc khảo trên bảng tin của Phòng ĐTDH, cổng thông tin điện tử (website) của Nhà trường và các Khoa chủ quản học phần phúc khảo.

b) Bộ môn

- Trường các Bộ môn chịu trách nhiệm điều hành công tác chấm thi các học phần do Bộ môn giảng dạy.
- Tổ chức chấm thi theo hai vòng; giảng viên chấm lần 1 bài thi nào phải ký, ghi rõ họ tên trên bài thi đó. Giảng viên chấm vòng hai có nhiệm vụ kiểm tra kết quả chấm vòng 1, ghi điểm của bài thi, ký và ghi rõ họ tên trên bài thi đó.
- Điểm của từng phần bài thi được cho theo đáp án. Điểm kết luận của bài thi tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân sau dấu phẩy.
- Sắp xếp các bài thi trong túi theo thứ tự phách tăng dần.
- Nhập điểm theo file biên bản chấm thi.

- Kiểm đo điểm trên biên bản chấm thi và trên bài thi (trên phiếu chấm đối với bài thi thực hành trên máy tính)
- Bàn giao biên bản, file biên bản chấm thi (đã được kiểm đo) và các túi bài thi đã chấm cho Tổ ĐBCL ngay sau khi chấm, nhập điểm và kiểm đo xong.

3.6 Phúc khảo

- Tổ ĐBCL nhận đơn xin phúc khảo từ ngày công bố điểm thi học phần cho đến **03 ngày** sau khi môn thi cuối cùng của kỳ thi được công bố điểm.
- **Trong vòng 02 tuần** kể từ ngày hết hạn nhận đơn xin phúc khảo, Tổ ĐBCL tổ chức phúc khảo và công bố kết quả cho sinh viên.

3.7 Quản lý kết quả thi và bài thi

- Sau **01 tháng** kể từ ngày hoàn thành công bố kết quả của kỳ thi, Tổ ĐBCL không giải quyết các thắc mắc của sinh viên về kết quả thi kết thúc học phần.
- Kết quả thi được lưu dưới dạng các file excel (Danh sách ghi điểm học phần) trong đĩa DVD-ROM và trên bản in, và được đưa vào cơ sở dữ liệu của hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.
- Kết quả thi được chuyển thành file .pdf và gửi về các Khoa (Khoa gửi cho các Bộ môn) để lưu.
- Bài thi được lưu tối đa là **01 năm**. Bài thi hết hạn lưu trữ được hủy bằng hình thức cắt nhỏ bằng máy hủy tài liệu. Phải lập biên bản khi hủy bài khi đã hết hạn lưu trữ.

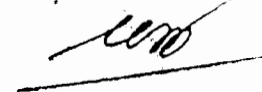
4. Trách nhiệm và quyền lợi của sinh viên khi thực hiện Quy trình khảo thí

- Trong kỳ thi kết thúc học phần, sinh viên chấp hành mọi quy định của Nhà trường, thực hiện nghiêm túc các quy định của Quy chế tuyển sinh và Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy để đảm bảo tính khách quan, công bằng và dân chủ của kỳ thi.
- Sinh viên có quyền được nộp đơn phúc khảo, phúc tra bài thi theo quy định.
- Sinh viên có quyền và có trách nhiệm phản ánh với Phòng ĐTDH, Ban Thanh tra đào tạo, Ban Giám hiệu Nhà trường khi có bằng chứng về gian lận trong quá trình thực hiện Quy trình khảo thí.

5. Tổ chức thực hiện

- Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn, trưởng các đơn vị liên quan, Tổ trưởng Tổ ĐBCL, giảng viên và sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy có trách nhiệm thực hiện Quy trình này.
- Phòng Đào tạo Đại học, Phòng Công tác chính trị - Sinh viên, các khoa, các bộ môn, cố vấn học tập, quản sinh và các giảng viên có trách nhiệm phổ biến rộng rãi Quy trình này đến sinh viên.
- Mọi vi phạm trong công tác khảo thí sẽ bị xử lý theo Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Pháp lệnh cán bộ công chức, Quy chế tuyển sinh và Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy và theo quy định hiện hành của Nhà trường.
- Trong quá trình thực hiện, Quy trình này có thể được bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với các văn bản pháp quy mới của Bộ Giáo dục & Đào tạo hoặc phù hợp với các quy định, điều kiện triển khai công tác khảo thí của Trường Đại học Mở - Địa chất.

HIỆU TRƯỞNG



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MÔ - ĐỊA CHẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: MĐC-KT&ĐBCLGD

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

V/v kế hoạch khảo thí học kỳ I,
năm học 2017 - 2018 hệ chính quy

Kính gửi: - Ban chủ nhiệm các Khoa;
- Ban chủ nhiệm các Bộ môn;
- Giảng viên và sinh viên.

Trong học kỳ I, năm học 2017 - 2018, Nhà trường tổ chức khảo thí đối với các học phần đã đăng ký khảo thí hệ đại học, liên thông và cao đẳng chính quy tại Hà Nội, và các địa điểm liên kết.

Danh sách các học phần khảo thí và Kế hoạch tổ chức khảo thí tại các địa điểm được tổng kết trong các bang gửi kèm.

Các Bộ môn cập nhật và hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu (CSDL) ngân hàng câu hỏi đề thi và đáp án, bảng tổng hợp CSDL và bang cấu trúc đề thi cho tất cả các học phần khảo thí thông báo.

Các Khoa tập hợp và gửi tài liệu này về địa chỉ email: khaothi@humg.edu.vn trước ngày 10/9/2017; gửi ban cứng bảng tổng hợp CSDL và bang cấu trúc đề thi về phòng KT&ĐBCLGD trước ngày 01/9/2017.

Các công tác tổ chức thi được thực hiện theo quy định của Quy trình khảo thí (Quyết định số 2070/QĐ-MĐC ngày 18/11/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mô - Địa chất). Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, xin trao đổi với TS. Lê Hồng Anh, số điện thoại: 0985016888.

Đề nghị Ban chủ nhiệm các Khoa, Ban chủ nhiệm các Bộ môn phổ biến đến giảng viên và sinh viên thuộc đơn vị mình quản lý để thực hiện.

Trân trọng.

**TL. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KT&ĐBCLGD**

Nơi nhận:

- Như kính gửi (để thực hiện);
- BGH (để báo cáo);
- HUMG10OFFICE;
- Lưu: HC TH, KT&ĐBCLGD₀₂

PGS.TS Dư Thị Xuân Thảo